

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ QUA VIỆC SỬ DỤNG PORTFOLIO TRONG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

NGUYỄN THỊ HỒNG TUYÊN - NGUYỄN THỊ THÚY HUYỀN - NGUYỄN THỊ MIỀN*

Ngày nhận bài: 04/06/2016; ngày sửa chữa: 17/06/2016; ngày duyệt đăng: 20/06/2016.

Abstract: Self-study has been seen as one of the most important factors in improving the quality of learning in credit system. Therefore, organizing self-study activities for the students is one of the main teacher's tasks. Application of Portfolio in teaching foreign language has proved effectiveness in developing learner's self-learning capacity. This article presents situation of application Portfolio in teaching foreign language at Hoa Lu University and gives some recommendations to improve self-study capacity of foreign language for first year students at the university.

Keywords: Self-study, foreign language, first year students, portfolio, language teaching.

Mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục đại học hiện nay là “biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo”, đòi hỏi sinh viên (SV) phải có nhiều nỗ lực hơn trong hoạt động học tập, đặc biệt là phải dành nhiều thời gian cho việc tự học và nghiên cứu. Có thể nói, tự học chính là nhân tố trực tiếp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học, khi mà việc chuyển đổi giảng dạy từ hình thức niên chế sang học chế tín chỉ yêu cầu số giờ tự học, tự nghiên cứu của SV phải tăng lên.

Đối với SV năm thứ nhất, khi mới bước vào đại học, các em còn quen với cách học thụ động ở phổ thông, chưa có khả năng tổ chức tự học mà chỉ học khi được giao các bài tập, nhiệm vụ học tập. Do đó, tổ chức tốt việc tự học và nâng cao năng lực tự học cho SV là một yêu cầu cấp thiết của mỗi giảng viên (GV). GV phải có khả năng khơi dậy thái độ say sưa, hứng thú học tập để từ đó kích thích SV tự tìm tòi, tự chiếm lĩnh tri thức. Mỗi GV trong quá trình giảng dạy luôn phải tìm hiểu, áp dụng các phương pháp khác nhau để thúc đẩy năng lực học tập cho SV. Việc hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, phương pháp hệ thống hóa tài liệu học tập và tài liệu tham khảo để giúp các em tự nghiên cứu là vô cùng quan trọng. Bài viết giới thiệu một hình thức phát triển tính tự học cho SV qua hoạt động tạo *portfolio* (bộ sưu tập tài liệu học tập) và đánh giá hiệu quả của nó trong giảng dạy tiếng Anh cho SV năm thứ nhất tại Trường Đại học Hoa Lư.

1. Tự học và portfolio

1.1 Tự học. SV tự học là những người có năng lực hoạt động độc lập trong quá trình học tập, họ có thể xác định và xây dựng mục tiêu riêng của mình,

có thể thay đổi mục tiêu cho phù hợp với nhu cầu và lợi ích học tập, họ cũng có thể sử dụng được các chiến lược học tập và giám sát việc học của mình. Cơ sở của người học tự chủ là người học chấp nhận trách nhiệm về việc học tập của mình. Ở bậc đại học, việc tự học của SV chính là quá trình nhận thức một cách tự giác, tích cực, không có sự tham gia hướng dẫn trực tiếp của GV nhằm đạt được mục đích, nhiệm vụ dạy học. Tự học có nghĩa là SV phải độc lập, tự xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập cho mình, tự tìm tòi, phân tích những tài liệu tiến tới làm chủ tri thức. Tự học có ý nghĩa to lớn đối với bản thân SV để hoàn thành nhiệm vụ học tập nhằm đạt được chất lượng, hiệu quả của quá trình dạy học - đào tạo trong nhà trường. Do vậy, việc phát triển tính tự học cho SV trong các trường đại học là nhiệm vụ cần thiết của ngành giáo dục.

Một người có ý thức tự học tốt thể hiện ở chỗ họ có thái độ đối với việc học tập như thế nào. Một SV có ý thức tự học tốt, phải là người biết cách sắp xếp thời gian học tập phù hợp, khát khao hiểu biết, nghiên cứu, có phương pháp học tốt thể hiện ở một số đặc điểm sau: - Lựa chọn tài liệu học tập tốt; - Tự đặt ra mục tiêu và dành ưu tiên cho việc đạt mục tiêu đó; - Lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu; - Tự đánh giá được sự tiến bộ và những thành tích của mình; - Tự đánh giá chương trình học của mình. Ngoài ra, người học còn phải biết thu xếp thời gian học tập, có khả năng vượt qua những khó khăn, thử thách để đạt được mục tiêu đề ra, có động cơ học tập đúng và có tinh thần kỷ luật cao.

* Trường Đại học Hoa Lư

1.2. Portfolio

1.2.1. *Khái niệm.* Portfolio là một từ ghép có nguồn gốc từ tiếng Ý, trong đó “porte” có nghĩa là “mang, cầm”, “folio” nghĩa là một trang giấy/sách/báo. Như vậy, portfolio là một tập hồ sơ gồm nhiều trang tin chứa đựng những nội dung cốt lõi để người chủ mang đi giới thiệu về công việc, thành tựu hay sản phẩm của mình (Bauer, 2009). Các portfolio được sử dụng phổ biến vì chúng được xem như là minh họa cụ thể cho khả năng và kinh nghiệm của cá nhân. Việc sử dụng portfolio trong việc dạy ngoại ngữ đã được sử dụng từ những năm 80 của thế kỉ XX.

Portfolio trong học tập được định nghĩa là một bộ sưu tập tích lũy liên tục được SV lựa chọn và để đánh giá sự phát triển năng lực của họ về một lĩnh vực cụ thể. Theo định nghĩa trên, việc viết portfolio chính là tập hợp kết quả làm việc có chất lượng cao của SV. Paulson và Meyer (1991) đã đưa một định nghĩa rộng hơn về portfolio. Họ xác định rằng portfolio là một bộ sưu tập kết quả làm việc có mục đích cụ thể, nó không chỉ phản ánh sự nỗ lực, tiến bộ và thành tích của SV trong một hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau mà còn thể hiện được cả quá trình tham gia của SV từ khi lựa chọn nội dung, lí do chọn nội dung, các tiêu chí đánh giá và phản ánh về nội dung đó.

Tóm lại, portfolio là một tập hợp các bài viết có tính mục đích và hệ thống, phản ánh sự nỗ lực, tiến bộ và thành quả cũng như khả năng tự nghiên cứu, tự học tập của SV.

1.2.2. *Lợi ích của việc sử dụng portfolio trong giảng dạy.* Ngày nay, có nhiều người sử dụng portfolio trong việc giảng dạy vì nó mang lại nhiều lợi ích. Đối với SV, đó là cách để thể hiện được khả năng, sự nỗ lực và thành tích học tập của mình. Ưu điểm lớn nhất của portfolio là nó thúc đẩy quá trình tự học, tự đánh giá, giúp người học trở thành người học tích cực, năng động, sáng tạo và thúc đẩy việc tự học, học suốt đời và tìm hiểu phương pháp học phù hợp với mình. Portfolio giúp SV tăng cường kĩ năng của mình trong tổ chức và phát triển, cũng như giao tiếp giữa các cá nhân, giúp họ xây dựng sự tự tin và tạo điều kiện cho sự tham gia vào quá trình học tập, từ đó nâng cao ý thức tự học, động cơ cũng như hứng thú học tập.

Portfolio là một cách đánh giá SV khác với các phương pháp đánh giá truyền thống. Việc đánh giá portfolio tạo cơ hội cho GV và các SV khác có thể quan sát việc học tập của SV đó ở một bối cảnh rộng lớn hơn. Portfolio cung cấp một sự phản ánh chính

xác hơn về quá trình học tập của mỗi SV. Theo quan điểm đó, có thể đưa ra kết luận rằng portfolio giúp SV tự đánh giá bản thân, từ đó tìm ra những điểm mạnh và yếu của riêng mình. Bên cạnh đó, portfolio cung cấp cho GV một phương tiện đánh giá năng lực của SV theo quá trình một cách chính xác hơn. Ngoài ra, portfolio cũng giúp cho SV phát triển khả năng giao tiếp, có ích cho việc tìm việc và xin việc cho SV sau khi ra trường.

1.2.3. *Các nguyên tắc căn bản khi áp dụng portfolio.* Không phụ thuộc vào hình thức, mục đích hay nội dung, portfolio luôn phải đảm bảo một số quy tắc nhất định khi áp dụng trong giờ học. Breuer (2009) đã liệt kê một số nguyên tắc căn bản sau đây: - Nguyên tắc tổ chức: người dạy và người học luôn phải có sự bàn bạc, thống nhất về mục đích, nội dung và hình thức của portfolio; - Nguyên tắc lựa chọn và lưu trữ: phải có những tiêu chí cụ thể để lựa chọn nội dung học tập được đưa vào portfolio. Phần biện luận và giải thích cho mỗi lựa chọn là bắt buộc; - Nguyên tắc giám sát: việc theo dõi, giám sát thực hiện portfolio không chỉ là nhiệm vụ của người dạy mà còn là nhiệm vụ của bản thân người học và bạn học; - Nguyên tắc giao tiếp: portfolio cần được xem như là cơ hội để người học trao đổi về nội dung học tập, việc thực hiện portfolio hay về phương pháp, kinh nghiệm trong tạo lập portfolio nói riêng, việc học tập nói chung.

Ngoài những nguyên tắc nêu trên, còn nguyên tắc cá nhân của portfolio; trong đó, mỗi cá nhân có những nhận thức, ưu nhược điểm, cách thức tổ chức, phương pháp học tập... khác nhau. Nguyên tắc này đảm bảo portfolio phản ánh đúng năng lực và bước phát triển của cá nhân người tạo lập nó.

1.2.4. *Các giai đoạn tạo portfolio.* Theo Gomes (2000), một portfolio thường được tiến hành qua ba giai đoạn: Tổ chức và lập kế hoạch thực hiện; giai đoạn nghiên cứu, lựa chọn và sưu tập tài liệu; giai đoạn viết báo cáo và tạo lập portfolio.

Giai đoạn 1: Tổ chức và lập kế hoạch thực hiện. Trong giai đoạn đầu tiên này, cả GV và SV đều tham gia vào tổ chức lên kế hoạch thực hiện, lựa chọn chủ đề, các tiêu chí lựa chọn, đánh giá, xác định mục đích cụ thể cho từng portfolio. Chẳng hạn như việc lựa chọn, sưu tập những vấn đề đã được học trên lớp, hay làm thế nào để tổ chức trình bày các tài liệu đã thu thập được...

Giai đoạn 2: Nghiên cứu, lựa chọn và sưu tập tài liệu. Trong giai đoạn này, SV tìm hiểu, lựa chọn, sưu

tầm tài liệu hữu ích phù hợp cho mục đích cụ thể của mình. Sự lựa chọn tài liệu và viết sản phẩm phải đạt được mục tiêu cụ thể của từng môn học. Do đó, SV phải đọc, nghiên cứu và đánh giá xem tài liệu đó có phù hợp với mục đích và nội dung của mình đặt ra hay không. Từ đó nâng cao kĩ năng đọc hiểu và đánh giá rất lớn.

Giai đoạn 3: Viết báo cáo và tạo lập portfolio. Giai đoạn này SV nghiên cứu tài liệu, viết báo cáo phản ánh về nội dung của các tài liệu đã học và lưu trữ, trình bày trong portfolio theo sự hướng dẫn của GV. Đối với việc học ngoại ngữ, đây là giai đoạn quan trọng của hoạt động viết portfolio. SV có cơ hội nghiên cứu và tìm hiểu sâu hơn lĩnh vực mà họ quan tâm, đồng thời họ cũng có cơ hội để rèn luyện các kĩ năng khác như: đọc, viết, kĩ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, rèn luyện khả năng nghiên cứu, tư duy logic...

2. Áp dụng portfolio trong giảng dạy ngoại ngữ và bước đầu đánh giá hiệu quả của portfolio trong việc phát triển năng lực tự học cho SV

2.1. Quá trình áp dụng portfolio trong dạy kĩ năng đọc hiểu tiếng Anh cho SV. Từ việc khảo sát điều tra tình hình tự học của các SV năm thứ nhất Trường Đại học Hoa Lư trên các phương diện: thái độ, kĩ năng, phương pháp tự học, đặc biệt là việc tự học môn *Đọc hiểu* của mỗi SV, chúng tôi có các nhận xét sau: - SV chưa có ý thức, động cơ học tập đúng và đầy đủ về việc tự học và vai trò của tự học ở đại học, cao đẳng; - Việc tự học ở nhà của SV chưa thường xuyên; - SV thiếu phương tiện, nguồn tư liệu học tập phù hợp.

Trên cơ sở kết quả của việc khảo sát, chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm sử dụng hoạt động viết portfolio trong quá trình giảng dạy để khảo sát hiệu quả trong việc nâng cao năng lực tự học cho SV ngành Sư phạm tiếng Anh, hệ cao đẳng Trường Đại học Hoa Lư. Quá trình thử nghiệm được tiến hành trong thời gian một học kì. Khi giảng dạy môn *Đọc hiểu*, GV hướng dẫn và yêu cầu SV tạo lập portfolio trong khi học. Cuối kì học, GV thu portfolio để chấm và lấy điểm. Quá trình áp dụng tạo lập portfolio trong khi học môn *Đọc hiểu* được tiến hành như sau:

Ngay trong tuần đầu tiên tiến hành thực nghiệm, GV giới thiệu, hướng dẫn cách lập, các giai đoạn viết portfolio, các phần yêu cầu trong mỗi bài viết của portfolio. Sau đó, GV yêu cầu SV chia thành các nhóm (mỗi nhóm 3 người). GV cùng SV lựa chọn 6 trong 12 chủ đề các bài đọc trong giáo trình *Đọc hiểu 2 (Active skills for reading: Book 2)*. SV được yêu cầu cứ mỗi hai tuần sẽ phải tìm đọc và lựa chọn một bài viết có độ

dài khoảng từ 300-500 từ có chủ đề tương tự, viết lời giới thiệu, tóm tắt và ghi nhận một số bình luận, nhận xét về bài mà mình đã lựa chọn, sưu tầm được. Độ dài các bài nhận xét này khoảng 100-150 từ. Các chủ đề mà SV đã lựa chọn là: - Going Abroad (Đi nước ngoài); - Leisure and Hobbies (Sở thích và giải trí); - The story of Chocolate (Câu chuyện về socola); - The Secrets of Advertising (Những bí mật của việc quảng cáo); - Eating for Health (Ăn để khỏe mạnh); - Saving the Environment (Bảo vệ môi trường).

Các bài sưu tầm và nhận xét về các chủ đề trên được yêu cầu đóng thành tập portfolio và nộp vào tuần thứ 12 của kì học. Kết quả chấm điểm được lấy làm điểm giữa kì. Trong các buổi giảng trên lớp, GV thường xuyên dành thời gian tìm hiểu, hướng dẫn SV tìm tòi, lựa chọn các bài đọc cho phù hợp.

2.2. Đánh giá hiệu quả của portfolio trong việc phát triển năng lực tự học cho SV

2.2.1. Động cơ (motivation), thái độ, ý thức tự học của SV. Nhiều SV đã tỏ ra yêu thích môn *Đọc hiểu* và thấy hứng thú hơn với việc học đọc. Khi được hỏi lí do, các em cho biết trong quá trình tìm và đọc tài liệu để lựa chọn bài cho portfolio, các em đã biết thêm rất nhiều về các kiến thức xã hội cũng như các kiến thức ngôn ngữ thú vị trong các bài đọc mà các em đã tìm được.

Về mức độ thường xuyên tự học ở nhà, SV đã đọc thường xuyên và đọc nhiều hơn để có thể lựa chọn được một bài đọc hay cho portfolio của mình. Do vậy, số giờ đọc thêm trong tuần tăng lên so với học phần trước.

Do GV giao việc lập portfolio ngay từ tuần đầu tiên của học kì và cùng SV lập kế hoạch và phương pháp làm cụ thể nên hầu hết các SV đều đã hợp nhóm và tự lập kế hoạch hoàn thành công việc cho nhóm và cho riêng mình. Cuối kì không có SV nào nộp bài muộn quá thời gian quy định.

2.2.2. Sự tiến bộ về năng lực, phương pháp học đọc và kiến thức ngôn ngữ. Hầu hết các em đều nhận thấy kiến thức ngữ pháp và vốn từ vựng của mình được nâng lên rất nhiều. Hơn nữa, kĩ năng đọc và kĩ năng viết của cũng tiến bộ đáng kể.

Về việc vận dụng các phương pháp học đọc trong khi đọc, hầu hết SV ở lớp thực nghiệm đều nhận biết và có thể vận dụng các phương pháp đọc nhỏ một cách có hiệu quả để tìm, lựa chọn tài liệu theo yêu cầu và hiểu bài, viết bài nhận xét tốt.

2.2.3. Thái độ của SV đối với hoạt động viết portfolio. Các em thấy tiến bộ rõ rệt trong học tập và từ đó có

động cơ học tập tốt hơn. Các em được hiểu biết hơn về văn hóa, xã hội và nhiều nội dung khác trong các bài đọc mà mình tìm được. Hoạt động làm portfolio theo nhóm đã tạo cơ hội cho SV được làm việc cùng nhau, hiểu nhau hơn và học được từ nhau rất nhiều điều tốt. Ngoài ra, việc làm việc theo nhóm đã giúp SV tự tin hơn, tích cực suy nghĩ độc lập hơn cho việc học, có trách nhiệm với công việc của mình và với nhóm mình tham gia.

Việc làm portfolio đã được lên kế hoạch ngay từ khi bắt đầu học kì nên SV đã biết cách tự thu xếp thời gian hợp lí và cố gắng làm bài đúng thời hạn. Đây chính là một trong những biểu hiện của một ý thức tự học tốt.

3. Kết luận

Tóm lại, việc áp dụng hoạt động viết portfolio trong quá trình dạy học cho SV năm thứ nhất tại Trường Đại học Hoa Lư có thể phát triển được năng lực tự học, giúp SV tiến bộ hơn trong học tập, cụ thể: - SV đã thường xuyên, tích cực tự học hơn sau khi tham gia hoạt động tạo lập portfolio; - SV đã có trách nhiệm với việc học tập của mình, có thể lập kế hoạch học tập cụ thể cho mình và hoàn thành tốt các kế hoạch đặt ra đúng thời hạn được giao; - Nhiều SV đã có thể phần nào tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của mình trong quá trình học tập; - SV có phương pháp học hiệu quả hơn, tiến bộ hơn trong năng lực ngôn ngữ của mình mà cụ thể là về kiến thức ngữ pháp, vốn từ vựng và các kĩ năng đọc, viết, kĩ năng tìm và phân tích, đánh giá tài liệu, kĩ năng làm việc nhóm.

Tuy nhiên, sau khi tiến hành thử nghiệm, chúng tôi cũng nhận thấy một số nhược điểm của việc sử dụng hoạt động viết portfolio trong khi học như: - Việc lập portfolio yêu cầu SV tốn khá nhiều thời gian và công sức, nhất là đối với các em có năng lực ngôn ngữ quá thấp; - Đối với GV, họ cũng tốn khá nhiều công sức và thời gian để đọc, chấm điểm cho portfolio; - Việc chấm và đánh giá điểm đôi khi chưa được khách quan. Do đánh giá theo nhóm nên GV có thể chưa đánh giá sát thực nhất năng lực làm việc của từng cá nhân SV.

Do đó, để nâng cao tính hiệu quả hơn cho hoạt động viết portfolio, GV nên giải thích rõ ràng, hướng dẫn cụ thể cách lập portfolio ngay từ tuần đầu tiên. Đối với SV có trình độ ngôn ngữ còn thấp, GV nên cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo phù hợp với họ. Ngoài ra, để việc đánh giá SV chính xác và khách quan hơn, GV có thể yêu cầu SV tự đánh giá cho nhau (peer access).

Như vậy, portfolio là một công cụ dạy học hiệu quả, có thể áp dụng để hỗ trợ rèn luyện kĩ năng cũng như kiến thức ngôn ngữ cho người học. Thay vì chú trọng đến những hạn chế của người học, portfolio tập trung làm rõ những tiến bộ, thành tựu mà người học đạt được trong một quá trình cụ thể. Portfolio tạo ra một không gian linh hoạt để người học tự lập, tự chủ hơn trong học tập, từ đó góp phần nâng cao năng lực của người học, giúp họ đạt được mục tiêu và nhiệm vụ học tập. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Breuer, Angela Carmen (2009). *Das Portfolio im Unterricht. Theorie und Praxis im Spiegel des Konstruktivismus*. Münster: Waxmann.
- [2] Paulson, PR. - Meyer, CA. (1991). *What makes a portfolio a portfolio*. Lawrence Urborne Associates.
- [3] Gomes, E. (2000). *Guidelines for portfolio assessment in teaching English*. Oxford University Press.
- [4] Bastidas, J.A. (1996). *The teaching portfolio: A tool to become a reflective teacher*. English teaching forum July/October: 24-28.
- [5] Benson, P - Voller, P. (1997). *Autonomy and independence in learning*. London: Longman
- [6] Dam, L. (1995). *Learner autonomy 3: From theory to classroom practice*. Authentic Language Learning Resources.

Những hiệu ứng của hiện tượng đa ngữ...

(Tiếp theo trang 226)

- [3] Beacco, J.-C. (2007). *L'approche par compétences dans l'enseignement des langues*. Col. Langues et didactique. Paris: Didier.
- [4] Conseil de L'Europe (2001). *Cadre européen commun de référence pour les langues*.
- [5] D De Angelis, G. (2007). *Third or Additional Language Acquisition*. Clevedon: Multilingual Matters.
- [6]. Gardner, R. & Lambert, W (1972). *Attitudes and motivation in SLA*. Rowley, MA: Newbury House.
- [7]. Moore, D. et Castellotti, V. (éds) (2008). *La compétence plurilingue: regards francophones*. Col. Langues, sociétés, cultures et apprentissages. Berne: Peter Lang.
- [8]. Narcy-Combes, J.-P. (2005). *Didactique des langues et TIC: vers une recherche-action responsable*. Paris : Ophrys.
- [9]. Ringbom, H. (1987). *The Role of the First Language in Foreign Language Learning*. Clevedon: Multilingual Matters.
- [10]. Singh, R. & Carroll, S. (1979). "L1, L2 and L3" in *Indian Journal of Applied Linguistics* 5. p.51-63.
- [11]. Skutnabb-Kangas, T.(1981). *Le bilinguisme*. Lund: Matériel didactique Liber.